

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 2020
Lớp Ô TÔ 8 K10 Mã lớp học 30,687 Lý thuyết

Môn học: OMH44 Kỹ thuật lái xe

Giáo viên:.....*Nguyễn Tiến Dũng*.....

Số đơn vị học trình: 1

Ngày thi*27/12/2020*.....

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182239	Lê Hữu Anh	30/09/2000	<i>7.0</i>	<i>1</i>	<i>Đanh</i>	
2	CD182321	Phạm Việt Anh	03/12/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
3	CD182254	Lê Thành Công	01/10/2000	<i>9.0</i>	<i>1</i>	<i>Công</i>	
4	CD182350	Trần Thành Đạt	22/02/2000	<i>6.5</i>	<i>1</i>	<i>Đạt</i>	
5	CD182212	Nguyễn Minh Đức	25/05/1996	<i>8.5</i>	<i>1</i>	<i>Đức</i>	
6	CD182414	Bùi Văn Duy	17/12/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Duy</i>	
7	CD182453	Phạm Văn Duy	13/08/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Duy</i>	
8	CD182226	Nguyễn Văn Giáp	10/12/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Giáp</i>	
9	CD182256	Nguyễn Văn Hải	09/07/2000	<i>8.5</i>	<i>1</i>	<i>Hải</i>	
10	CD182351	Phạm Tiến Hải	12/09/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Hải</i>	
11	CD182233	Phạm Văn Huy	25/12/2000	<i>8.5</i>	<i>1</i>	<i>Huy</i>	
12	CD182228	Tạ Đình Huy	25/12/1998	<i>9.0</i>	<i>1</i>	<i>Huy</i>	
13	CD182259	Trần Đức Huy	28/02/2000	<i>7.0</i>	<i>1</i>	<i>Huy</i>	
14	CD182268	Nguyễn Văn Long	06/06/2000	<i>6.5</i>	<i>1</i>	<i>Long</i>	
15	CD182354	Phạm Hải Long	19/07/1998	<i>6.0</i>	<i>1</i>	<i>Long</i>	
16	CD183170	Nguyễn Tùng Nam	02/06/1999				<i>Vắng thi</i>
17	CD182434	Trần Việt Nam	21/07/1999	<i>7.0</i>	<i>1</i>	<i>Nam</i>	
18	CD182273	Nguyễn Văn Nghĩa	22/03/2000	<i>6.5</i>	<i>1</i>	<i>Nghĩa</i>	
19	CD182217	Lê Ngọc Ninh	24/03/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			
20	CD182225	Đỗ Văn Phóng	08/02/2000	<i>6.0</i>	<i>1</i>	<i>Phóng</i>	<i>Học lại</i>
21	CD182422	Hoàng Đình Phương	07/07/1999	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Phương</i>	
22	CD182261	Đỗ Văn Quang	24/12/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Quang</i>	
23	CD182397	Trịnh Bá Quang	27/08/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Quang</i>	
24	CD182296	Nguyễn Minh Quyền	04/01/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Quyền</i>	
25	CD182280	Nguyễn Đình Sơn	17/11/2000	<i>9.5</i>	<i>1</i>	<i>Sơn</i>	
26	CD182244	Vũ Trọng Tấn	16/09/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Tấn</i>	
27	CD182271	Biện Văn Thắng	25/12/2000	<i>9.0</i>	<i>1</i>	<i>Thắng</i>	
28	CD182385	Nguyễn Hợp Thành	21/01/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Thành</i>	
29	CD182242	Phạm Văn Thành	11/07/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Thành</i>	
30	CD182425	Đoàn Xuân Thịnh	21/10/2000	<i>6.0</i>	<i>1</i>	<i>Thịnh</i>	
31	CD182363	Đinh Văn Thuận	16/05/2000	<i>8.5</i>	<i>1</i>	<i>Thuận</i>	
32	CD182371	Nguyễn Hữu Thủy	10/05/2000	<i>9.0</i>	<i>1</i>	<i>Thủy</i>	
33	CD182314	Đinh Ngọc Tiến	22/08/2000	<i>9.0</i>	<i>1</i>	<i>Tiến</i>	
34	CD182326	Hoàng Văn Trường	28/11/2000	<i>8.0</i>	<i>1</i>	<i>Trường</i>	
35	CD182359	Nguyễn Lam Trường	18/06/2000	<i>7.5</i>	<i>1</i>	<i>Trường</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD182445	Nguyễn Quang Trường	11/02/2000	9.0	1	Trường	
37	CD182382	Vũ Quang Trường	15/10/2000	9.0	1	Trường	
38	CD182305	Nguyễn Đức Tùng	28/02/2000	8.5	1	Tùng	
39	CD182429	Nguyễn Hữu Vinh	28/12/2000	7.0	1	Vinh	

Tổng số sinh viên dự thi: 36...

Số sinh viên đạt: 36...

Tổng số tờ giấy thi: 36...

Ngày giáo viên nộp điểm: 09/01/2021...

Hạn cuối nộp điểm: 7 ngày sau khi thi

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Nguyễn Tiến Dũng

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

TRƯỞNG KHOA

Tăng Huy

**CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. TĂNG HUY**